

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Quỳnh, bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2023/TLST-HN/GĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Huy Đ, sinh năm 1976; Tên gọi khác: Trần Huy Q; Trần Hữu Q.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị H- sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Xóm C, thôn K, xã L, huyện M, tỉnh H

Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, Chị H vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Anh Trần Huy Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2000. Sau khi cưới vợ chồng sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2019 anh bị tai nạn ngã gãy xương vỡ khớp háng phải điều trị tốn kém, đi lại khó khăn, không làm được từ đó kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, Chị H không còn yêu thương anh, không động viên anh để chữa trị bệnh tật dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn càng tăng nhất từ tháng 3/2020, Chị H đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở Xóm C, thôn K, xã L, huyện M, tỉnh H Sau khi Chị H bỏ đi anh có đến tìm Chị H 03 lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng Chị H không về và cũng không quan tâm đến các con, khi con bị

ôm Chị H cũng không về thăm con. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay không quan tâm đến nhau cả về vật chất và tình cảm. Anh xác định tình cảm giữa anh và Chị H không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị H để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và Chị H có 02 con chung là Trần Thị Hoàng A, sinh ngày 28/02/2002 và cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/10/2006. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, anh tự nguyện không yêu cầu Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng với anh. Cháu Hoàng A đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cháu Đ đến nay đã gần đủ 18 tuổi. Anh là người khuyết tật được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng 570.000 đồng, anh làm thêm bán hàng với em trai, thu nhập mỗi tháng từ 04 triệu đến 05 triệu đồng. Anh vẫn ở cùng với bố mẹ, có đủ điều kiện để nuôi con, bố mẹ anh vẫn khỏe mạnh hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc con.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Tòa án, tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn Chị Bùi Thị H trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như anh Đ trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2000 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ rượu chè, đánh đập chửi bới và đe dọa chị nhiều lần, chị đã cố nhịn nhục nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ cuối năm 2020 chị đã đi thuê nhà trọ ở thôn Kim Trang Tây, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương sinh sống. Sau khi chị bỏ đi anh Đ có đến tìm chị vài lần nhưng mỗi lần đến anh Đ tỏ thái độ không hợp tác, không có ý hòa giải. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ chứ không do ai khác. Nay anh Đ xin ly hôn chị không nhất trí ly hôn vì anh Đ không có quyền ly hôn, nếu anh Đ kiên quyết ly hôn thì phải đền bù tuổi thanh xuân cho chị là 500.000.000 đồng thì mới ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Trần Thị Hoàng A, sinh ngày 28/02/2002 và cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/10/2006. Cháu Hoàng A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đ đã nghỉ học đang là lao động tự do, cháu ở với ai do quyền quyết định của cháu, chị không có ý kiến gì. Hiện đang làm công ty Vietsats ở Đoàn Tùng, Thanh Miện, thu nhập từ 07 triệu đồng đến 08 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người thân trong gia đình anh Đ và xác minh tại chính quyền địa phương được thể hiện như sau: Anh chị tự nguyện kết hôn tại UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ bị tai nạn, Chị H không chịu đựng được cuộc sống vất vả nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 01/2020 Chị H bỏ đi thuê nhà trọ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Địa phương xác định: Anh Đ, Chị H mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Khi mâu thuẫn, anh chị không đề nghị địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay anh Đ xin ly hôn Chị H đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về với nhau, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp

luật. Về con chung: Người thân trong gia đình và chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Hữu Đ trình bày: Cháu có nguyện vọng ở cùng với bố khi bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho Anh Trần Huy Đ được ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung: Xử giao cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/10/2006 cho Anh Trần Huy Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con với anh Đ, cháu Trần Thị Hoàng A, sinh ngày 28/02/2002 đã thành niên, không phải giải quyết. Anh Đ, Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh Đ, Chị H không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Huy Đ thuộc hộ nghèo và là người khuyết tật được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Anh Trần Huy Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Bùi Thị H; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H; chỗ ở hiện nay thôn K, xã L, huyện M, tỉnh H; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh Trần Huy Đ nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ Chị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Chị H không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai Chị H vẫn vắng mặt không có lý do, anh Đ có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Huy Đ và Chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của anh Đ phù hợp với lời trình bày của người thân trong gia đình và phản ánh của chính quyền địa phương. Vì vậy có đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống anh Đ, Chị H có mâu thuẫn, Chị H đã bỏ đi thuê nhà trọ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2020 không còn quan tâm đến nhau cả về vật chất và tình cảm. Đối với chị H, chị không nhất trí ly hôn vì mâu thuẫn là do anh Đ gây ra, nếu anh Đ kiên quyết xin ly hôn thì phải đền bù tuổi thanh xuân cho chị số tiền 500.000.000 đồng thì chị mới ly hôn. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu trên nhưng không có đơn, Tòa án đã Thông báo, triệu tập Chị H đến để làm thủ tục nộp đơn nhưng Chị H không chấp hành, không có lý do chính đáng, Chị H cũng không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do vậy Tòa án không có căn cứ xem xét giải quyết. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài nhưng không có biện pháp nào để đoàn tụ, Chị H cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án gọi báo làm việc và hoà giải chị đều không chấp hành, gây khó khăn cho việc hoà giải của Tòa án, chứng tỏ chị không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Nhận thấy hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc Chị H không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho anh Đ thực hiện quyền ly hôn. Vì vậy cần xử cho Anh Trần Huy Đ được ly hôn Chị Bùi Thị H theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Đ và Chị H có 02 con chung là Trần Thị Hoàng A, sinh ngày 28/02/2002 và cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/10/2006. Cháu Đ có nguyện vọng ở với bố, ly hôn anh xin được nuôi cháu Đ, anh tự nguyện không yêu cầu Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con với anh. Anh là người khuyết tật được nhận trợ cấp xã hội nhưng anh vẫn lao động nhưng anh vẫn đi làm kiếm được tiền. Anh Đ và cháu Đ hiện đang ăn ở cùng với bố mẹ anh, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ anh cũng đồng ý giúp anh chăm sóc cháu Đ, bản thân cháu Đ đã gần 18 tuổi, đã đi làm. Đối với chị H, công việc và thu nhập cũng ổn định, cháu Đ ở với ai do quyền quyết định của cháu, chị cũng đồng ý theo nguyện vọng của con. Cháu Hoàng A đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của cháu Đ được tốt nhất, cần giao cháu Trần Hữu Đ cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Anh Đ, Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Gia đình anh Đ thuộc hộ nghèo, bản thân anh Đ là người khuyết tật đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại địa phương. Căn cứ theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH, anh Đ được miễn án phí theo quy định.

[5] *Về quyền được trợ giúp pháp lý*: Gia đình anh Đ thuộc hộ nghèo. Anh Đ là người khuyết tật đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại địa phương nên căn cứ theo Điều 2, Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính Phủ, anh Đ thuộc trường hợp khó khăn về tài chính. Căn cứ điểm d khoản 7 Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý, anh Đ được trợ giúp pháp lý miễn phí, tuy nhiên anh Đ đã từ chối và có đơn đề nghị không nhờ trợ giúp pháp lý nên Tòa án không mời trợ giúp pháp lý cho anh Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho Anh Trần Huy Đ được ly hôn chị Bùi Thị H.

2- *Về con chung*: Xử giao con chung Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/10/2006 cho Anh Trần Huy Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu Trần Thị Hoàng A, sinh ngày 28/02/2002 đã trưởng thành, không phải giải quyết.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Anh Trần Huy Đ và Chị Bùi Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Anh Trần Huy Đ thuộc hộ nghèo và là người khuyết tật được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, hoàn lại anh Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001419 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

5- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến